TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂY SƠN** **TỈNH BÌNH ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 20-3-2024
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂY SƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Giang Nam.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Chín.
2. Ông Tạ Văn Thạnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Mỹ Hiệp - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tây Sơn tham gia phiên tòa: Bà Mai Thị Thìn - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tây Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 329/2023/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 11 năm 2023 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 02 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Trần Thị V, sinh năm 1984 (Vắng mặt, có đơn).

- *Bị đơn*: Ông Tạ Văn T, sinh năm 1984 (Vắng mặt lần 02).
Cùng địa chỉ: Thôn T1, xã BT, huyện T2, Bình Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện (yêu cầu ly hôn), bản tự khai và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là bà Trần Thị V trình bày: bà và ông Tạ Văn T tự nguyện tìm hiểu, yêu thương nhau, được hai bên gia đình chấp nhận tiến hành tổ chức lễ cưới theo phong tục nhưng không nhớ rõ ngày tháng năm. Có đăng ký kết hôn tại UBND xã BT vào ngày 12/02/2004. Sau khi cưới vợ chồng sống hạnh phúc được 10 năm thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là do ông T không chăm chỉ làm ăn mà rượu chè về nhà gây sự đánh đập bà. Từ tháng 7/2023 vợ chồng cắt đứt quan hệ phần ai nấy sống, bỏ mặc không quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Nay xét thấy không còn tình cảm yêu thương gì, bà yêu cầu ly hôn ông T.

Về con chung: bà và ông T có 02 con chung là Tạ Thị Như Q (nữ) sinh ngày 28/9/2003 và Tạ Như Y (nam) sinh ngày 02/8/2011 hiện đang sống cùng bà. Con Như Q đã thành niên, không yêu cầu giải quyết; bà yêu cầu nhận nuôi con chung Tạ

Như Y đến trưởng thành; yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con hàng tháng với mức 1.000.000đ/tháng, bắt đầu từ tháng 12/2023.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa giải quyết.

Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là ông Tạ Văn T trình bày: Ông thống nhất với bà Trần Thị V trình bày về điều kiện kết hôn, thời gian kết hôn, thời gian chung sống với nhau. Về nguyên nhân mâu thuẫn, theo ông là do ông ghen tuông nên có về đánh bà V nhưng không thường xuyên. Vợ chồng đã ly thân từ tháng 7/2023. Tuy nhiên, ông vẫn còn yêu thương vợ con, không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Ông và bà V có 02 con chung là Tạ Thị Như Q (nữ) sinh ngày 28/9/2003 và Tạ Như Y (nam) sinh ngày 02/8/2011. Con chung Như Q đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết. Nếu ly hôn, ông yêu cầu nhận nuôi con chung Tạ Như Ý, không yêu cầu bà V phải cấp dưỡng nuôi con. Ông không đồng ý cấp dưỡng nuôi con theo yêu cầu của bà V.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tây Sơn phát biểu:

Việc tuân thủ pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử từ khi Tòa thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án là có căn cứ, đa phần đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự, tuy nhiên còn có một vài vi phạm. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 71 BLTT Dân sự 2015. Tuy nhiên, bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ được quy định tại các Điều 70, 72, 73 BLTT Dân sự 2015.

Về quan điểm giải quyết vụ án: đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 8, 9, 56, 81, 82, 83, 84, 107 và 110 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 tuyên xử: bà Trần Thị V được ly hôn ông Tạ Văn T. Về con chung: giao con chung tên Tạ Như Ý (nam) sinh ngày 02/8/2011 cho bà Trần Thị V nuôi dưỡng chăm sóc đến trưởng thành; về cấp dưỡng nuôi con: buộc ông T cấp dưỡng nuôi con hàng tháng với mức 1.000.000đ/ tháng, kể từ tháng 3/2024 đến khi con chung đủ 18 tuổi; về tài sản chung: không yêu cầu Tòa giải quyết nên miễn xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn bà Trần Thị V vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; Bị đơn là ông Tạ Văn T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Căn cứ vào quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị V với ông Tạ Văn T kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã BT vào ngày 12/02/2004 đúng theo quy định tại các Điều 9, 10, 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 nên được công nhận hôn nhân hợp pháp.

Sau khi cưới, vợ chồng chung sống hạnh phúc được 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là do ông T ghen tuông, mượn rượu về đánh đập bà V nhiều lần. Bà V đã cố gắng để chung sống nhưng tình hình không tiến triển. Hai bên đã cắt đứt quan hệ, phần ai nấy sống, không còn quan tâm gì đến nhau từ tháng 7/2023. Vợ chồng xa cách đã lâu nhưng hai bên vẫn bỏ mặc tình trạng hôn nhân của mình. Như vậy, chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc bà V yêu cầu ly hôn với ông T là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên HĐXX chấp nhận.

Ông T không đưa ra được phương án thuyết phục bà V, bà V cương quyết xin ly hôn nên việc ông T không đồng ý ly hôn là không có căn cứ để HĐXX chấp nhận.

[3] Về con chung: bà V và ông T có 02 con chung là Tạ Thị Như Q (nữ) sinh ngày 28/9/2003 và Tạ Như Y (nam) sinh ngày 02/8/2011 hiện đang sống cùng bà. Con Như Q đã thành niên, các bên không yêu cầu giải quyết - miễn xét; bà V và ông T đều yêu cầu nhận nuôi con chung Tạ Như Y đến trưởng thành. HĐXX xét thấy yêu cầu của bà V là phù hợp với nguyện vọng của con chung (Tạ Như Y muốn sống cùng với mẹ), phù hợp với thực tế và quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, đảm bảo cho sự phát triển toàn diện của trẻ, nghị nên chấp nhận. Do đó, không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu nhận nuôi con chung của ông T.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà V yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con hàng tháng với mức 1.000.000đ/tháng. Xét yêu cầu này của bà V là phù hợp với các quy định tại Điều 107 và 110 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, nên HĐXX chấp nhận về mức cấp dưỡng, việc thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng thực hiện từ tháng 3/2024; không chấp nhận việc bà V yêu cầu cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 12/2023.

Ông T không đồng ý cấp dưỡng nuôi con là không phù hợp với quy định pháp luật nên HĐXX không chấp nhận.

[4] Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

[5] Về án phí sơ thẩm:

- Án phí ly hôn sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: cần buộc bà Trần Thị V phải nộp 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)*, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp trước.

- Án phí đối với người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Ông Tạ Văn T phải nộp 300.000đ.

[6] Lời phát biểu của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của HĐXX;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 238; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 9, 10, 11 của Luật hôn nhân và gia đình 2000;

Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83, 84, 107 và 110 của Luật hôn nhân và gia đình 2014;

Áp dụng Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị V:

- Về hôn nhân: bà Trần Thị V được ly hôn ông Tạ Văn T.

- Về con chung: Giao con chung tên Tạ Như Y (nam) sinh ngày 02/8/2011 cho bà Trần Thị V chăm sóc, nuôi dưỡng đến trưởng thành. Con chung Tạ Thị Như Q (nữ) sinh ngày 28/9/2003 đã thành niên - miễn xét.

Về cấp dưỡng nuôi con: Buộc ông Tạ Văn T phải cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng với mức 1.000.000đ (Một triệu đồng)/ tháng; bắt đầu thực hiện từ tháng 3/2024 cho đến khi con chung Tạ Như Y đủ 18 tuổi.

Bên không trực tiếp nuôi con nhưng vẫn có quyền thăm nom, giúp đỡ con chung, không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên đều có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết nên Tòa không xét.

2/ Về án phí sơ thẩm:

- Án phí ly hôn: Bà Trần Thị V phải nộp 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng),* nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp trước là 300.000đ theo biên lai số 0003392 ngày 14/11/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tây Sơn; bà V đã nộp đủ án phí.

- Án phí đối với người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Ông Tạ Văn T phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*).

3/ Quyền kháng cáo:

Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án.

4/ Về quyền, nghĩa vụ thi hành án:

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa T thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận: **TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND huyện Tây Sơn;
- Chi cục THA dân sự huyện Tây Sơn;
- UBND xã BT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Giang Nam